

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 6 - 2023

V/V: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Kim Cảnh và bà Ngô Thị M.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1982

2. Bị đơn: Anh Đỗ Quang T - Sinh năm: 1968.

Cùng địa chỉ: Thôn Th, xã D, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

Chị M xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Đỗ Quang T kết hôn với nhau ngày 20/02/2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không đồng nhất, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngọt nhạt, không còn hạnh phúc làm ảnh hưởng đến gia đình và con cái. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm gì đến nhau, cuộc sống của ai người

đó tự lo. Nay chị xét thấy mâu thuẫn giữa chị và anh T đã rất trầm trọng, không còn tình cảm gì nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Quang T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đỗ Thị Hà V, sinh ngày 23/12/2006 và Đỗ Quang C, sinh ngày 25/8/2010. Hiện nay cháu Hà V đang sống cùng chị tại thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn; Cháu Quang C đang sống cùng anh T tại xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà V, giao cháu Quang C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm tại Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, thu nhập bình quân hàng tháng là 12.500.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Đỗ Quang T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau ngày 20/02/2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, anh cho rằng vợ chồng không thể tránh khỏi những mâu thuẫn và mâu thuẫn gia đình tôi chưa đến mức trầm trọng. Anh mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng chăm sóc con. Trường hợp chị M cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh cũng không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Hà V, sinh ngày 23/12/2006 và Đỗ Quang C, sinh ngày 25/8/2010. Hiện nay cháu Hà V đang sống cùng chị tại thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn; Cháu Quang C đang sống cùng anh T tại xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn. Nếu ly hôn, anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quang C, giao cháu Hà V cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm lao động tự do, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 30.000.000đ.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận giải quyết cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Đỗ Quang T.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cho anh Đỗ Quang T trực tiếp nuôi cháu Đỗ Quang C, giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Hà V. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản và công nợ: Các đương không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ cư trú tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Đỗ Quang T không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất. Do vậy căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T và chị M.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Cả chị M và anh T đều thừa nhận: Anh T và chị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không đồng nhất, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, không còn hạnh phúc làm ảnh hưởng đến gia đình và con cái. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, chị M đã bỏ ra ngoài ở. Trong thời gian ly thân không quan tâm gì đến nhau, việc của ai người đó tự lo. Chị M yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, đề nghị hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử thấy rằng, chị M và anh T đều công nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu, gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả và mâu

thuần ngày càng trầm trọng thêm. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, trong thời gian ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được các biện pháp cần thiết để hàn gắn tình cảm gia đình. Chị M cương quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên HĐXX cần chấp nhận đơn của chị M và áp dụng Điều 56 Luật HN&GD xử cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung là là Đỗ Thị Hà V, sinh ngày 23/12/2006 và Đỗ Quang C, sinh ngày 25/8/2010. Nếu ly hôn, anh T và chị M đã thống nhất thỏa thuận với nhau giao cháu Quang C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hà V cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền của cha mẹ; sự thỏa thuận của anh T và chị M là không trái đạo đức và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, giao cháu Quang C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hà V cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, anh chị không yêu cầu giải quyết và cũng do mỗi người nuôi một cháu, anh chị đều có khả năng nuôi con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh T đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Về án phí: Chị M là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Quang T.

2. Về nuôi con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung là:

+ Đỗ Thị Hà V - Sinh ngày 23 tháng 12 năm 2006;

+ Đỗ Quang C - Sinh ngày 25 tháng 8 năm 2010.

2.1. Giao con chung Đỗ Quang C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Giao con chung Đỗ Thị Hà V cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Chị M và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

2.4. Chị M và anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Anh T và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0016929 ngày 13/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Xuân Giang (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Quang T.
2. Về con chung: Giao cháu Quang C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hà V cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0016929 ngày 13 tháng 3 năm 2023. Chị M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Chi cục THA huyện Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Giang, H.Thọ Xuân;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Tuấn